

# GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

 TS. Trần Thị Thắm\*

Nhận: 01/04/2022

Biên tập: 02/04/2022

Duyệt đăng: 25/04/2022

## Tóm tắt

Việt Nam là quốc gia ven biển, có bờ biển dài trên 3.260 km với diện tích các vùng lãnh hải thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên 1 triệu km<sup>2</sup>. Với 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và trên 3000 đảo, quần đảo khác. Tuy nhiên, những năm qua kinh tế biển Việt Nam vẫn chưa phát huy được hết vai trò của mình. Để thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII ngày 22/10/2018 "Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045". Chính phủ cần phải có những quan điểm, định hướng và giải pháp phù hợp với đặc thù của vùng kinh tế, xã hội, môi trường và quốc phòng an ninh một cách hiệu quả. Nội dung bài viết phân tích những thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế biển ở Việt Nam và đưa ra một số giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong xu hướng hội nhập.

**Từ khóa:** chính sách, phát triển bền vững, kinh tế biển.

## Abstract

Vietnam is a coastal country with a coastline of over 3,260 km with an area of territorial waters under sovereignty, sovereign rights and jurisdiction over 1 million km<sup>2</sup>. With 2 archipelagos of Hoang Sa, Truong Sa and more than 3000 other islands and archipelagos. To implement Resolution 36-NQ/TW of the 12th Central Committee of the Party, dated October 22, 2018 on the strategy for sustainable development of Vietnam's marine economy in 2030 with a vision to 2045, the Government needs to have viewpoints, orientations and solutions suitable to the specific characteristics of the economic, social, environmental and national defense and security regions effectively. The content of the article analyzes the advantages and disadvantages of marine economic development in Vietnam and offers some solutions to improve the policy of sustainable development of Vietnam's marine economy in the integration trend.

**Keywords:** policy, sustainable development, marine economy.

**JEL:** E60, E61, M20, M10.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia ven biển, với chiều dài bờ biển trên 3260km, dọc bờ biển và trên biển có tới 28 tỉnh thành phố, 12 thành phố lớn, với khoảng 100 cảng biển với tổng diện tích 208.560 km<sup>2</sup> chiếm 41% diện tích cả nước và hơn 41,2 triệu dân, chiếm gần một nửa dân số cả nước. Tuy nhiên, những năm qua kinh tế biển Việt Nam vẫn chưa phát huy được hết vai trò của mình. Kinh tế biển có vị trí đặc biệt quan trọng và ngày càng trở thành một bộ phận kinh tế to lớn, có ý nghĩa cấp bách cả về an ninh quốc phòng trong hội nhập và phát

triển. Để thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, cần thiết phải có những quan điểm, định hướng và giải pháp phù hợp với đặc thù của từng vùng một cách hiệu quả. Việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong xu hướng hội nhập là cấp bách và cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế biển Việt Nam

### 2.1. Tiềm năng phát triển kinh tế biển Việt Nam

Kinh tế biển Việt Nam là lĩnh vực kinh tế rất quan trọng, trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế biển như tại Nghị quyết số 09 - NQ/TW ngày 9/2/2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với mục tiêu phấn đấu đưa nước ta trở thành

\*Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp



quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển gắn với phát triển bền vững. Gần đây nhất là Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để thực hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế biển, từ năm 2008 Chính phủ đã ban hành và phê duyệt nhiều Nghị quyết và Quyết định trong chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Các ngành, các địa phương cũng đã xây dựng qui hoạch, kế hoạch chương trình hành động cho từng lĩnh vực bước đầu đã thu được kết quả đáng khích lệ dựa trên các lợi thế tiềm năng phát triển kinh tế biển trên các mặt sau:

#### *Phát triển giao thông đường biển*

Việt Nam có lợi thế về giao thông đường biển do gần các tuyến đường hàng hải quốc tế và khu vực, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành hàng hải, công nghiệp tàu thủy và logistics. Sự hình thành mạng lưới cảng biển, cùng các tuyến đường bộ, đường sắt ven biển để nối với các vùng sâu trong nội địa để Việt Nam vận chuyển thuận lợi hàng hóa nhập khẩu tới mọi miền của Tổ quốc, cũng như đi đến các nước trong khu vực và thế giới. Mặt khác, vùng biển Việt Nam nằm tại khu vực có tốc độ phát triển kinh tế cao, là cầu nối giữa nhiều cường quốc kinh tế và chính trị trên thế giới. Với vị trí thuận tiện cho giao thông và các vùng, vịnh kín có độ sâu lớn, rất thuận lợi làm cảng biển; không gian rộng lớn ở ven biển và trên bờ biển thuận lợi để phát triển các khu kinh tế.

#### *Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản*

Ở Việt Nam nguồn hải sản trong vùng biển có độ phong phú cao, ngoài cá biển là nguồn lợi chính còn có nhiều đặc sản khác có giá trị kinh tế như: tôm, cua, mực, rong biển, hải sâm... Tính riêng cá biển, chúng ta đã phát hiện có khoảng hơn 2.000 loài khác nhau, trong đó có khoảng 100 loài có giá trị kinh tế. Theo các số liệu thống kê, trữ lượng cá ở vùng biển nước ta khoảng 5 triệu tấn/năm, trữ lượng cá có thể đánh bắt hằng năm khoảng 2,3 triệu tấn. Dọc ven biển có trên 37.000 héc- ta mặt nước các loại có khả năng nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi các loại đặc sản xuất khẩu tôm, cua, rong câu...

#### *Về khai thác và chế biến khoáng sản*

Vùng biển Việt Nam chứa khoảng hơn 30 loại hình khoáng sản với trữ lượng khai thác khác nhau gồm: nhiên liệu, kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý và khoáng sản lỏng. Với tiềm năng dầu khí phân bố trong 6 bồn trầm tích và hoạt động khai thác dầu khí được duy trì tại 11 mỏ ở thềm lục địa phía Nam. Những năm qua, ngành dầu khí của Việt Nam luôn giữ vai trò quan trọng trong kinh tế biển nói riêng và nền kinh tế của đất nước nói chung. Ngoài ra, vùng ven biển đã phát hiện được các sa khoáng, khoáng vật nặng của các nguyên tố hiếm quý như titan, zircon, xeri. Một số mỏ cát vật liệu xây dựng dưới đáy biển ở Quảng Ninh và Hải Phòng, với trữ lượng trên 100 tỷ tấn và một dãy cát Thạch anh ngầm dưới đáy biển Quảng Ninh. Bên cạnh đó, tiềm năng tài nguyên nước biển như

năng lượng thủy triều, năng lượng sóng... cũng rất lớn.

#### *Về phát triển du lịch biển*

Việt Nam với đường bờ biển dài trên 3.260km và hàng nghìn hòn đảo ven bờ đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển. Theo thống kê, dọc bờ biển chúng ta có khoảng 125 bãi biển đẹp. Trong đó, một số bãi biển và vịnh được đánh giá là những bãi biển và vịnh đẹp hàng đầu thế giới như bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng), Phú Quốc (Kiên Giang), Eo Gió (Bình Định), vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang, vịnh Lăng Cô. Cùng với sự phong phú, đa dạng về tài nguyên tự nhiên và văn hóa đặc trưng vùng biển đảo đã tạo ra những tiềm năng to lớn và lợi thế so sánh cho du lịch biển Việt Nam. Đặc biệt, vùng biển Việt Nam nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiều khu vực ẩm quanh năm nên rất thuận lợi cho du khách, đặc biệt từ các quốc gia có mùa đông lạnh tới nghỉ dưỡng, tắm biển. Những năm gần đây, ngành du lịch biển của Việt Nam đã và đang trên đà phát triển, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

#### **2.2. Những thách thức trong phát triển kinh tế biển Việt Nam**

Bên cạnh những thuận lợi thì Việt Nam chúng ta cũng gặp không ít những khó khăn thách thức trong phát triển bền vững kinh tế biển thể hiện qua các mặt sau:

Việc nhận thức chung về phát triển bền vững kinh tế biển còn chưa đầy đủ. Nhận thức về vai trò, vị trí của biển và kinh tế biển của các cấp, các ngành, các địa phương ven biển và người dân chưa thực sự đầy đủ. Việc đầu tư xây dựng các khu kinh tế ven biển



còn tràn lan, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Còn nặng tư duy khai thác tự phát, chưa thực sự coi biển là ngôi nhà chung nên việc khai thác chưa thực sự gắn liền với bảo tồn và phát triển. Quy mô kinh tế còn nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ cấu các ngành nghề trong các lĩnh vực kinh tế biển chưa hợp lý, chưa chuẩn bị đầy đủ điều kiện để vươn ra vùng biển quốc tế.

Kết cấu cơ sở hạ tầng các vùng biển và hải đảo còn lạc hậu yếu kém, manh mún nên hiệu quả sử dụng thấp chưa có tính bền vững. Các khu kinh tế, cảng biển, sân bay ven biển còn nhỏ bé, chưa hình thành một hệ thống kinh tế biển liên hoàn... Hầu như tỉnh nào ở ven biển cũng có quy hoạch cảng biển nhưng không đủ kinh phí xây dựng, nên nhiều công trình dang dở hoặc một số địa phương xây dựng cảng biển nhưng không thể khai thác, sử dụng vì tính toán không hợp lý gây ra lãng phí và kém hiệu quả.

Các phương tiện, thiết bị nghiên cứu khoa học biển cũng như hệ thống các cơ sở các phương tiện, thiết bị nghiên cứu khoa học biển và hệ thống các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển chưa được đầu tư xứng đáng; các cơ sở quan trắc, dự báo, cảnh báo biển, thiên tai biển, các trung tâm tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn,... ở ven biển còn nhỏ bé, trang bị thô sơ. Các phương thức quản lý biển mới, tiên tiến còn chậm được nghiên cứu áp dụng, như: quản lý tổng hợp dải ven biển, quản lý không gian biển, quy hoạch sử dụng biển chưa chú ý nghiên cứu ứng dụng công nghệ biển tiên tiến trong khai thác tài nguyên biển.

Môi trường biển của Việt Nam đã bị ô nhiễm và biến đổi theo chiều hướng xấu, có nhiều chất thải chưa qua xử lý được đổ ra biển, một số khu vực ven bờ bị ô nhiễm, hiện tượng thủy triều đỏ xuất hiện ngày càng nhiều với quy mô rộng. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang chịu tác động nặng nề của tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở vùng ven biển và các đảo nhỏ. Đặc biệt, việc Trung Quốc mở rộng và tôn tạo trái phép ở quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam thành đảo nhân tạo khiến cho môi trường rạn san hô ở đây bị phá hủy vĩnh viễn, nguồn lợi thủy sản suy thoái đến mức khó có thể phục hồi và nghề cá khu vực có nguy cơ đổ vỡ.

Việc khai thác, sử dụng biển và hải đảo của Việt Nam chưa đạt hiệu quả cao, thiếu bền vững do khai thác tự phát, không tuân thủ quy hoạch. Phương thức khai thác biển chủ yếu vẫn theo hình thức sản xuất và đầu tư nhỏ, công nghệ lạc hậu, chủ yếu là ưu tiên khai thác tài nguyên biển ở dạng vật chất, không tái tạo.

### **3. Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam**

#### **3.1. Định hướng hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam**

Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, qua đánh giá thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Đại hội hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định kinh tế biển là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để đến năm 2030 đưa Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại và thu nhập trung bình cao. Do đó,

định hướng hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam theo hướng dưới đây.

*Thứ nhất*, việc quy hoạch không gian biển của Việt Nam phải có tầm nhìn dài hạn, khoa học phải gắn kết với khai thác và kết nối với các vùng lãnh thổ, giữa đất liền và toàn dải ven biển trong cả nước. Quy hoạch không gian biển là công việc khoa học đòi hỏi chúng ta phải điều tra khảo sát thực tế một cách tổng hợp từ cơ sở hạ tầng, ngành nghề sản xuất, môi trường giữa các vùng, các địa phương đến định hướng phát triển kinh tế xã hội, môi trường quốc phòng an ninh theo hướng chiến lược phát triển bền vững lâu dài.

*Thứ hai*, quản lý tổng hợp vùng bờ là nhu cầu khách quan để tổ chức, kết hợp nhiều ngành nghề cùng hoạt động trên lãnh thổ, giữa đất liền và biển. Kinh tế biển bao gồm nhiều ngành nghề, mỗi ngành nghề có đặc thù riêng nhưng lại diễn ra trên cùng lãnh thổ đòi hỏi phải có sự quản lý tổng hợp để sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và môi trường tự nhiên một cách tốt nhất. Quản lý tổng hợp đòi hỏi sự liên kết giữa chính quyền và sự kết hợp đa ngành giữa các nhóm có quyền lợi liên quan trong khai thác, nuôi trồng thủy sản, khai thác dầu khí, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển...

*Thứ ba*, hoàn thiện hệ thống luật, chính sách liên quan đến kinh tế biển, chính sách phát triển bền vững dải ven biển phải bảo đảm tính thống nhất và hành động giữa các ngành từ thủy sản, nông nghiệp, du lịch, công nghiệp, dân sinh theo chiều ngang và giữa các cấp chính quyền các cơ quan liên



quan và cộng đồng ven biển theo chiều dọc.

Do đó, phải gắn kết hài hòa hệ thống luật và chính sách liên quan đến kinh tế biển.

*Thứ tư*, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại là điều kiện để khai thác quy mô lớn tài nguyên dải ven biển Bắc Trung Bộ có hiệu quả. Dải ven biển Bắc Trung Bộ cần có một hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không trong vùng và cả nước. Cơ sở hạ tầng không chỉ phía đông ven biển mà còn cả phía tây vùng núi biên giới gắn kết với Lào. Cần hiện đại các cảng biển gắn với giao thông đường thủy với cả nước và các nước trong khu vực và trên thế giới. Kết hợp đê biển với đường giao thông, vừa đảm bảo phòng tránh nước biển dâng vừa đi lại thuận tiện. Cùng với hệ thống giao thông phải chú ý xây dựng nhà ở của dân để phòng chống lụt, bão kết hợp với trồng rừng ngập mặn để thích ứng với môi trường.

*Thứ năm*, huy động nguồn lực đầu tư của toàn xã hội là sức mạnh để khai thác quy mô lớn, hiệu quả cao của dải ven biển Bắc Trung Bộ. Với tài nguyên phong phú, đa dạng để khai thác quy mô lớn tất cả các ngành nghề kinh tế biển cần có sự đầu tư lớn.

Ngoài nguồn vốn đầu tư của nhà nước, địa phương, thì việc huy động nguồn vốn trong dân, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân sẽ là hướng đầu tư lớn và lâu dài để khai thác bền vững dải ven biển Bắc Trung Bộ. Trước mắt là các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, nếu không có đầu tư của doanh nghiệp tư nhân và ngư dân để đánh bắt đóng tàu bè, phương tiện đánh bắt gần bờ, xa bờ thì khó khai thác

tiềm năng phong phú của biển. Nếu đầu tư trên đất liền một thì đầu tư ở biển phải gấp ba, gấp bốn lần.

*Thứ sáu*, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại là điều kiện để khai thác quy mô lớn tài nguyên dải ven biển Bắc Trung Bộ có hiệu quả. Dải ven biển Bắc Trung Bộ cần có một hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không trong vùng và cả nước. Cơ sở hạ tầng không chỉ phía đông ven biển mà còn cả phía tây vùng núi biên giới gắn kết với Lào. Cần hiện đại các cảng biển gắn với giao thông đường thủy với cả nước và các nước trong khu vực và trên thế giới. Kết hợp đê biển với đường giao thông, vừa đảm bảo phòng tránh nước biển dâng vừa đi lại thuận tiện. Cùng với hệ thống giao thông phải chú ý xây dựng nhà ở của dân để phòng chống lụt, bão kết hợp với trồng rừng ngập mặn để thích ứng với môi trường.

### **3.2. Những hạn chế của chính sách phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam hiện nay**

Trên cơ sở thực hiện các chính sách phát triển kinh tế biển của Việt Nam trong thời gian qua bước đầu đã có những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định dưới đây:

Hệ thống chính sách, pháp luật phát triển kinh tế biển chưa đồng bộ, chưa tạo được sức mạnh để điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế biển. Đặc biệt, nhận thức chung về phát triển bền vững của đất nước dựa vào tiềm năng biển, đảo còn chưa sâu sắc, chưa đầy đủ. Cùng với đó, nhận thức về vai trò, vị trí của biển và kinh tế biển của các cấp, các ngành, các địa phương ven biển và người dân chưa đầy đủ,

quy mô kinh tế còn nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng. Cơ cấu các ngành nghề trong các lĩnh vực kinh tế biển chưa hợp lý, chưa chuẩn bị đầy đủ điều kiện để vươn ra vùng biển quốc tế. Mặt khác, việc đầu tư xây dựng các khu kinh tế ven biển còn tràn lan, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Vẫn còn nặng tư duy khai thác tự phát, chưa thực sự coi biển là ngôi nhà chung, do vậy sống nhờ biển hơn là dựa vào biển mà giàu lên, khai thác chưa thực sự gắn liền với bảo tồn, phát triển.

Nhà nước chưa có chính sách quy hoạch sử dụng biển cũng như quy hoạch tổng thể sử dụng vùng bờ biển theo quan điểm quản lý tổng hợp. Điều đó dẫn tới nguồn thủy sản bị đánh bắt cạn kiệt, các hệ sinh thái biển quan trọng. Nhận thức của ngư dân còn thấp nên còn đánh bắt cá trái phép, thậm chí đánh bắt hủy diệt tại các vùng biển Việt Nam và vùng biển nước ngoài, gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Do đó, tình hình khai thác, sử dụng biển và hải đảo chưa đạt hiệu quả cao, thiếu bền vững do khai thác tự phát, không tuân thủ quy hoạch biển đảo. Phương thức khai thác biển chủ yếu vẫn theo hình thức sản xuất và đầu tư nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, chủ yếu là ưu tiên khai thác tài nguyên biển ở dạng vật chất, không tái tạo; chú trọng nhiều đến sản lượng, số lượng, ít chú ý đến chất lượng và lợi ích lâu dài của các dạng tài nguyên. Ngoài ra, công tác quản lý, giám sát việc khai thác nguồn lợi biển còn nhiều yếu kém. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào

**Xem tiếp trang 117**



26. Tran, T. T., & Herzig, C, (2020), *Material flow cost accounting in developing countries: A systematic review. Sustainability*, 12(13), 5413.

27. UN–United Nation, (2001), *Environmental management accounting: procedures and principles. United Nations, New York.*

28. VASEP–Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers, (2016),

*Opportunities and challenges of seafood exporters in globalization.*

[http://vasep.com.vn/Tin-Tuc/1217\\_43509/Co-hoi-va-thach-thuc-cua-thuy-san-Viet-Nam-khi-hoi-nhap.htm](http://vasep.com.vn/Tin-Tuc/1217_43509/Co-hoi-va-thach-thuc-cua-thuy-san-Viet-Nam-khi-hoi-nhap.htm). Accessed 01 Feb 2022 Vietnamese Government (2013a) Decree No. 103/2013/ND-CP on Regulations on administrative.

29. Vietnamese Government, (2015),

*Decree No. 38/2015/ND-CP on Waste and scrap management.*

30. [http://www.moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=30396](http://www.moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=30396). Accessed 20 Dec 2015 (in Vietnamese).

31. Xiaomei, L, (2004), *Theory and practice of environmental management accounting. Int. J. Technol. Manag. Sustain. Dev*, 3, 47–57.

### Tiếp theo trang 108

tiến trình quản lý còn rất thụ động, chưa làm rõ vấn đề sở hữu, sử dụng đất ven biển và mặt nước biển cho người dân vùng ven biển.

Khả năng liên kết vùng kinh tế biển giữa chính quyền các cấp còn nhiều bất cập.

Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh, có sức hấp dẫn thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế biển, trong điều kiện đầu tư vào các ngành nghề hoạt động trên biển có mức độ rủi ro cao về thời tiết, thiên tai, an toàn, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng biển thường có suất đầu tư lớn nhưng việc thu hồi vốn chậm. Kinh tế biển chưa phát huy hết được tiềm năng của mình đó là nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ về biển chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng. Hơn nữa về trình độ năng lực khoa học - công nghệ và điều tra cơ bản về biển còn nhiều hạn chế.

### 3.3. Các giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển bền vững kinh tế biển trong thời gian tới

Từ những phân tích trên, thời gian tới cần thiết phải có các giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển

bền vững kinh tế biển Việt Nam theo hướng sau:

*Thứ hết*, cần hoàn thiện và ban hành hệ thống chính sách, pháp luật phát triển kinh tế biển cụ thể và đồng bộ để tạo được sức mạnh điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế biển. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý tổng hợp dải ven biển từ Trung ương đến địa phương. Bởi dải ven biển có nhiều ngành, nghề diễn ra trên cùng lãnh thổ. Do đó, phải có cách quản lý theo mô hình tổng hợp liên kết, hợp tác ngành, lĩnh vực và lãnh thổ trong tất cả các cấp chính quyền xã, huyện, tỉnh đến các bộ, ngành ở Trung ương về quản lý nhà nước.

*Thứ hai*, cần phải có quy hoạch ngành, quy hoạch vùng để hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không hiện đại. Việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng có ý nghĩa quan trọng để phát triển bền vững kinh tế biển.

*Thứ ba*, hình thành hệ thống thông tin, nhất là thông tin dự báo rủi ro về thời tiết, môi trường để phòng tránh thiên tai kịp thời, hiệu quả.

*Thứ tư*, tập trung hoàn thiện chính sách phát triển nhân lực chất lượng cao trong tất cả các ngành nghề kinh tế biển.

*Thứ năm*, tăng cường hợp tác quốc tế về kinh tế biển, bởi kinh tế biển là đa lĩnh vực và diễn ra trong không gian rộng có cả lãnh hải quốc tế.

### 4. Kết luận

Trong những năm qua, chính sách phát triển bền vững kinh tế biển của Việt Nam đã tập trung thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước đề ra, quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục. Do đó, các giải pháp đề xuất trong bài viết với mong muốn góp phần nâng cao công tác quản lý, phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam hiệu quả hơn trong xu hướng hội nhập quốc tế, trong thời gian tới. ■

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

2. Lê Quý Quỳnh, (2015), *Phát triển kinh tế biển kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, Tạp chí Cộng sản số 103/2015.*

3. *Tổng cục Thống kê, (2020), Niên giám Thống kê.*